

Bản án số: 155/2020/HS-ST
Ngày: 19-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Ông Lương Thanh Nhân .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 142/2020/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn M, sinh năm: 1987 tại tỉnh Bình Dương; đăng ký thường trú: Tổ 1, khu phố 2, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M, sinh năm: 1961 và bà Nguyễn C (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn P, sinh năm: 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 181/2011/HSST ngày 28/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Dương xử phạt 10.000.000 đồng về tội: “Đánh bạc”; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Trần S (tên gọi khác: T), sinh năm: 1977 tại tỉnh An Giang; đăng ký thường trú: Khóm Tây Khánh 6, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ T, đường TC3, khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông T (đã chết) và bà Cao Đ, sinh năm: 1937; bị cáo có vợ là Trần D, sinh năm: 1980 và 03 con, lớn nhất sinh năm: 1997, nhỏ nhất sinh năm: 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 128/2013/HSST ngày 03/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An

Giang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Hà T, sinh năm: 1985 tại tỉnh Trà Vinh; đăng ký thường trú: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: đường NB9, khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà X (đã chết) và bà Tô U, sinh năm: 1944; bị cáo có vợ là Huỳnh H, sinh năm: 1984 và 01 con, sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Trần H, sinh năm: 1988 tại tỉnh Sóc Trăng; đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: đường DB12, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L, sinh năm: 1966 và bà Bùi S, sinh năm: 1966; bị cáo có vợ là Lâm P, sinh năm: 1988 và 01 con, sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Nguyễn T, sinh năm: 1975 tại tỉnh An Giang; đăng ký thường trú: Khóm K (tách ra từ khóm N), phường H, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L (đã chết) và bà Nguyễn H (đã chết); bị cáo có vợ là Huỳnh E, sinh năm: 1978 và 01 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

6. Nguyễn Q, sinh năm: 1987 tại tỉnh Bạc Liêu; đăng ký thường trú: Ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M (đã chết) và bà Trần K, sinh năm: 1956; bị cáo có chồng là Lê H, sinh năm: 1977; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

7. Trần T (tên gọi khác: L), sinh năm: 1980 tại tỉnh Đồng Tháp; đăng ký thường trú: Ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: đường NB12, khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần G (đã chết) và bà Trần L, sinh năm: 1956; bị cáo có chồng là Nguyễn H, sinh năm: 1975 và 02 con, lớn sinh năm: 1995, nhỏ sinh năm: 2007; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn H, sinh năm: 1990; đăng ký thường trú: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ ngày 20/3/2020, Công an phường P phát hiện Nguyễn M, Trần S, Nguyễn Q, Hà T, Nguyễn T, Trần H đang đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu tại quán cà phê không tên của Trần T thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Tại hiện trường thu giữ:

- Tổng số tiền là 36.440.000 đồng, trong đó:
 - + 400.000 đồng trên bàn nhựa màu đỏ;
 - + 3.100.000 đồng bên trong máng nước dành cho gà uống (cách bàn nhựa khoảng 200m, đây là số tiền Nguyễn T ném vào);
 - + 7.900.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn M;
 - + 1.700.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn T;
 - + 2.880.000 đồng thu giữ trên người của Trần S;
 - + 5.800.000 đồng thu giữ của Trần H;
 - + 14.080.000 đồng thu giữ của Hà T
 - + 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Q;
 - + 80.000 đồng thu giữ của Trần T.
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86P5-226.21;
- 01 xe mô tô biển số 61P1-8327;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3,
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6.
- 01 bộ lắc tài xỉu đã qua sử dụng.

Công an phường P lập biên bản vụ việc ban đầu, sau đó chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã C, các đối tượng khai nhận như sau: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, Trần H và Nguyễn Q đến quán cà phê không tên của Trần T thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Tại đây, H và Q được một người đàn ông tên S (không rõ lai lịch) rủ đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. H, Q đồng ý. Người đàn ông đưa cho H 01 bộ lắc tài xỉu và kêu H làm cái. H đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn M đến quán uống cà phê thấy nhóm của H đánh bạc nên tham gia cùng. M vào thay thế H làm cái. M quy định mỗi ván mỗi người đặt từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Người đàn ông tên S không chơi nữa mà rời khỏi quán. Cả nhóm tiếp tục đặt cho M làm cái. Chơi được một lúc thì Trần S, Nguyễn T, Hà T đến và tham gia đánh bạc cùng nhóm của M. Quá trình đánh bạc, M có đưa cho Trần T tiền xâu 05 lần, mỗi lần từ 10.000 đồng 20.000 đồng, tổng cộng là 80.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện như trên.

Hình thức các bị cáo chơi lắc tài xỉu như sau: Bộ tài xỉu gồm 03 hạt xí ngẫu hình lục giác, mỗi mặt của hạt xí ngẫu có số nút tương ứng từ 01 đến 06. Hạt xí

ngẫu được bỏ vào 01 đĩa sành có đường kính 10 cm, được đẩy bằng 01 nắp nhựa hình trụ có kích thước 5x7cm do người làm cái giữ và lắc. Sau khi người làm cái lắc xong thì các đối tượng đánh bạc đặt tiền vào 02 cửa tài, xỉu (quy định cửa tài bên tay phải người làm cái và cửa xỉu bên tay trái người làm cái). Sau khi các đối tượng đánh bạc đặt tiền xong, người làm cái mở nắp đẩy. Nếu mặt nằm ngửa của 03 hột xí ngẫu có tổng số nút từ 4 đến 10 là “xiu”, các đối tượng đánh bạc đặt cửa xỉu thắng và cửa tài thua. Nếu tổng số nút của 03 hột xí ngẫu từ 11 đến 17 là “tài” thì các đối tượng đánh bạc đặt cửa tài thắng và cửa xỉu thua. Trường hợp 03 hột xí ngẫu ra 03 mặt cùng loại là “bảo”; nếu “bảo” mà tổng số nút của 03 hột xí ngẫu nhỏ hơn 10 là “bảo xỉu” thì hòa với cửa xỉu và thắng cửa tài; còn tổng số nút của 03 hột xí ngẫu lớn hơn 10 là “bảo tài” thì hòa với cửa tài và thắng cửa xỉu. Các đối tượng đánh bạc chỉ đặt tiền thắng thua với người làm cái, tỷ lệ cá cược là 1:1.

Các đối tượng khai, sử dụng số tiền đánh bạc như sau:

- Trần H làm cái từ lúc 08 giờ 30 phút đến 10 giờ ngày 20/3/2020, sau đó chuyển sang đặt tụ con và nhường cho Nguyễn M làm cái. Khi đi, H mang theo 5.470.000 đồng, H lấy ra 970.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thắng 330.000 đồng. Khi bị bắt, H bị thu giữ số tiền 5.800.000 đồng.

- Nguyễn M làm cái từ lúc 10 giờ ngày 20/3/2020 đến khi bị bắt. M mang theo 6.000.000 đồng và lấy ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.900.000 đồng. Khi bị bắt, M bị thu giữ số tiền 7.900.000 đồng. Quá trình đánh bạc, M đưa cho T 05 lần tiền xâu với số tiền là 80.000 đồng.

- Nguyễn T mang theo 3.800.000 đồng và lấy ra 1.800.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thắng 1.000.000 đồng. Khi lực lượng công an đến, T bỏ chạy và ném 3.100.000 đồng vào máng nước dành cho gà uống gần đó. Khi bị bắt, T bị thu giữ số tiền 4.800.000 đồng bao gồm: 3.100.000 đồng bên trong chuồng gà và 1.700.000 đồng trên người của Tòng.

- Trần S mang theo 2.280.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S thắng 600.000 đồng. Khi bị bắt, S bị thu giữ số tiền 2.880.000 đồng.

- Hà T mang theo 14.780.000 đồng và lấy ra 780.000 đồng để đánh bạc, thua 700.000 đồng. Khi bị bắt, T bị thu giữ số tiền 14.080.000 đồng.

- Nguyễn Q tham gia đánh bạc từ lúc 08 giờ 30 phút. Q mang theo 100.000 đồng để đánh bạc, thua hết 20.000 đồng. Q trả tiền nước 10.000 đồng, còn lại 70.000 đồng, Q đi về nhà và mượn của bạn 500.000 đồng để mua sữa cho con. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q quay lại quán cà phê và tiếp tục tham gia đánh bạc. Q thua hết 70.000 đồng trong người thì không chơi nữa. Khi bị bắt, Q bị thu giữ 500.000 đồng.

- Trần T là chủ quán cà phê không tên, cho các đối tượng sử dụng địa điểm để đánh bạc nhằm bán nước uống. Quá trình các đối tượng đánh bạc, M làm cái đưa cho T tiền xâu là 80.000 đồng. Khi bị bắt, T bị thu giữ 80.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo là 8.560.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã C, Trần H, Nguyễn M, Trần S, Hà T, Nguyễn T, Nguyễn Q và Trần T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 86P5-226.21 là của Nguyễn M, 01 xe mô tô biển số 61P1-8327 là của Nguyễn L (L cho H mượn sử dụng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 là của Trần H, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 là của Trần S. Các tài sản trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ngày 21/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã C đã ra giao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bản Cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn M, Trần S, Hà T, Trần H, Nguyễn T, Nguyễn Q, Trần T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc trái phép như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

1. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

- Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 08/7/2020 đối với các bị cáo về tội: “Đánh bạc”;

- Về hình phạt:

- + Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt các bị cáo Nguyễn M, Trần S mỗi bị cáo từ 07 – 09 tháng tù, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng;

- + Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Hà T, Nguyễn Q, Trần T mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

- + Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn T, Trần H mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; tịch thu, tiêu hủy công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

2. Các bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức “lắc tài xỉu” của các bị cáo Trần H, Nguyễn M, Trần S, Hà T, Nguyễn T, Nguyễn Q và hành vi cho các bị cáo trên sử dụng địa điểm để đánh bạc nhằm thu lợi bất chính của bị cáo Trần T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng tại địa phương và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác.

Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nghề nghiệp ổn định nhưng lười biếng lao động, thích hưởng thụ nên đã rủ rê nhau tham gia đánh bạc nhằm sát phạt, được thua bằng tiền với nhau trên chiếu bạc. Vì vậy, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, cần xét đến nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tích cực

thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo M, H đánh bạc với vai trò “nhà cái”, bị cáo T dùng nơi buôn bán của mình cho các bị cáo đánh bạc nhằm thu lợi bất chính nên phải chịu mức phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn M, Trần S được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Hà T, Trần H, Nguyễn T, Nguyễn Q, Trần T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Gia đình bị cáo Trần H, Nguyễn T có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân:

Ngày 28/9/2011 bị cáo Nguyễn M bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Dương xử phạt 10.000.000 đồng về tội: “Đánh bạc”. Ngày 03/12/2013 bị cáo Trần S bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Các bị cáo M, S đã được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo này.

[3.4] Xét bị cáo Nguyễn M, Trần S phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung đối với M, S: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thể hiện các bị cáo M, S là người lao động có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo này.

[3.5] Các bị cáo Hà T, Trần H, Nguyễn T, Nguyễn Q, Trần T phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy áp dụng hình chính là phạt tiền đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, đủ sức răn đe và giáo dục các bị cáo này.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tất cả các bị cáo và áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo T, H, T, Q và T là phù hợp quy định của Bộ luật hình sự nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, mức phạt tiền do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo T, H, T, Q và T chưa thể hiện sự cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị này.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng hình phạt chính là phạt tù đối với các bị cáo Minh, Sơn có phần nghiêm khắc. Trên cơ sở đánh giá hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo M, S (đã nhận định trên đây), Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo M, S.

[5] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 8.560.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc: Đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 27.880.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo M, S, T, H, T, Q: Qua điều tra, có cơ sở xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án.

- Các công cụ dùng vào việc đánh bạc: Không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Các tài sản khác không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn M, Trần S, Hà T, Trần H, Nguyễn T, Nguyễn Q, Trần T phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn M 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn M 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn M cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 33/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn M kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Trần S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Trần S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố X, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, thành phố X, tỉnh An Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 34/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Trần S kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Hà T 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Hà T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần H 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Trần H kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 37/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 38/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn Q kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần T 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 39/2020/HSST-LCCT ngày 09/7/2020 đối với bị cáo Trần T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.560.000 đồng (tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ lặc tài xỉu (đã qua sử dụng).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền sau đây của các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án:

+ Nguyễn M: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);

+ Trần S: 1.880.000 đồng (một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Hà T: 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);

+ Trần H: 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Nguyễn T: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

+ Nguyễn Q: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng);

(Vật chứng đã được giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2020; khoản tiền đã nộp vào tài khoản số 394901046035 tại Kho bạc Nhà nước thị xã C ngày 25/3/2020).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn M, Trần S, Hà T, Trần H, Nguyễn T, Nguyễn Q, Trần T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân